

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 24 – 5 – 2021
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia
đình ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bạch Phiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Minh;
2. Ông Phạm Văn Liệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Thanh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Xuân – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị M, sinh năm 1998. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Trọng T, sinh năm 1996. Vắng mặt lần thứ hai, không rõ lý do.

Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Chị Phan Thị M trình bày:*

Chị Phan Thị M và Anh Nguyễn Trọng T có tổ chức đám cưới và chung sống với nhau vào tháng 02 năm 2017 âm lịch, đăng ký kết hôn vào ngày 16/10/2017, tại Ủy ban nhân dân xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Trước khi kết hôn anh chị có quen biết, tìm hiểu trước khoảng 01 năm. Việc anh chị kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không có bị ai cưỡng ép hay lừa dối kết hôn.

Nguyên nhân Chị M và Anh T mâu thuẫn là do Anh T không chịu đi làm, chỉ lo chơi bời (Anh T sử dụng ma túy đá), không quan tâm vợ con, một mình Chị M đi làm để lo cho gia đình. Chị M đã khuyên Anh T nhiều lần, nhưng Anh T không nghe. Từ đó mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng nhiều.

Từ lúc vợ chồng anh chị ly thân đến nay, Anh T chỉ năn nỉ Chị M về sống với Anh T 01 lần, nhưng Chị M không đồng ý. Từ đó đến nay, anh chị không có hàn gắn để đoàn tụ, không có liên lạc gì với nhau.

Chị Phan Thị M và Anh Nguyễn Trọng T có một con chung tên Nguyễn Phan Gia B, sinh ngày 10/11/2017. Cháu B đang sống với Chị M tại ấp 1, xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Phan Thị M và Anh Nguyễn Trọng T không có tài sản chung, không có nợ ai và cũng không có ai nợ lại anh chị.

Chị Phan Thị M yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- *Về hôn nhân*: Chị Phan Thị M yêu cầu ly hôn với Anh Nguyễn Trọng T.

- *Về con chung*: Chị Phan Thị M yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phan Gia B, sinh ngày 10/11/2017 đến khi thành niên. Chị Phan Thị M không yêu cầu Anh Nguyễn Trọng T cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn Anh Nguyễn Trọng T không có văn bản trình bày ý kiến.*

* *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, cần phê phán rút kinh nghiệm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Phan Thị M: Cho Chị Phan Thị M được ly hôn với Anh Nguyễn Trọng T; Giao cháu Nguyễn Phan Gia B, sinh ngày 10/11/2017 cho Chị Phan Thị M được quyền nuôi dưỡng đến khi cháu B thành niên, Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do Chị M không yêu cầu.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Đơn khởi kiện ngày 19/02/2021 của Chị Phan Thị M (bản chính).
- Giấy chứng nhận kết hôn giữa Chị Phan Thị M và Anh Nguyễn Trọng T (bản chính).
- Giấy khai sinh của Nguyễn Phan Gia B, sinh ngày 10/11/2017 (bản sao).
- Giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của Chị Phan Thị M (bản sao).
- Đơn xin xác nhận nơi cư trú của người bị kiện (bản chính).
- Biên bản lấy lời khai của Chị Phan Thị M ngày 13/4/2021 (bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của Chị Phan Thị M và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Trọng T cư trú tại ấp 1, xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Trọng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, không rõ lý do; nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Anh T là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ, nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Phan Thị M và Anh Nguyễn Trọng T đăng ký kết hôn vào ngày 16/10/2017, tại Ủy ban nhân dân xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Việc anh chị kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối kết hôn. Việc kết hôn giữa Chị Phan Thị M và Anh Nguyễn Trọng T là đúng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Chị Phan Thị M xác định: Trong thời gian anh chị chung sống với nhau xảy ra nhiều mâu thuẫn do Anh T không đi làm, chỉ lo chơi bời (Anh T sử dụng ma túy đá), không quan tâm vợ con, một mình Chị M đi làm để lo cho gia đình, chị khuyên Anh T nhiều lần nhưng không được, từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt, hiện nay chị không còn tình cảm vợ chồng với Anh T, nên không thể chung sống với nhau được. Điều này chứng minh, hôn nhân giữa Chị M và Anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị Phan Thị M đối với Anh Nguyễn Trọng T là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Chị Phan Thị M và Anh Nguyễn Trọng T có một con chung tên Nguyễn Phan Gia B, sinh ngày 10/11/2017. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, Anh T không có nguyện vọng nuôi con; Từ khi anh chị ly thân đến nay cháu B đang sống với Chị M tại ấp 1, xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp; cháu B hiện nay còn nhỏ, cần có sự chăm sóc chu đáo của người mẹ, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định và bình thường cho cháu B, cần tiếp tục giao cháu B cho Chị M nuôi dưỡng đến khi cháu B thành niên là phù hợp.

Do Chị M không yêu cầu Anh T cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, Chị M xác định chị và Anh T không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nhưng không có ý kiến của Anh T, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này; nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Chị Phan Thị M phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 69, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Phan Thị M.

- Về hôn nhân: Chị Phan Thị M được ly hôn với Anh Nguyễn Trọng T.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phan Gia B, sinh ngày 10/11/2017 cho Chị Phan Thị M được quyền nuôi dưỡng đến khi cháu B thành niên. Anh Nguyễn Trọng T không phải cấp dưỡng nuôi con, do Chị Phan Thị M không yêu cầu.

Chị Phan Thị M và Anh Nguyễn Trọng T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh Nguyễn Trọng T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về án phí:

Chị Phan Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BI/2019/0011091 ngày 22/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình. Chị Phan Thị M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Trọng T không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THADS huyện Thanh Bình;
- UBND xã 2;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Bạch Phiến